TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-PT
Ngày 10/02/2023
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thăng.
Ông Phạm Trung Thực.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính, Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/01/2023, ngày 03/02/2023 và ngày 10/02/ 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLPT-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc:*"Tranh chấp hôn nhân và gia đình",* do bản án sơ thẩm số 22/2022/HNGĐ - ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo và bị VKSND tỉnh Hưng Yên kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐ - PT ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà An Thị Th (tức An Thị X), sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh HY. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lương Văn C, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh HY. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Lương Văn H, sinh năm 1938. (Có mặt).
- Cụ An Thị C, sinh năm 1936. (Vắng mặt).
- Anh Lương Văn H1, sinh năm 1991. (Vắng mặt).
- Anh Lương Văn H2, sinh năm 2001. (Có mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh HY.

- Chị Lương Thị H, sinh năm: 1989. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh HY.

- Bà Lương Thị D, sinh năm: 1959. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã Tr, huyện T, tỉnh HY.

- Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh HY.(Vắng mặt)
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tiên Lữ. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Long - Phó Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Tiên Lữ. (Vắng mặt).

Bà An Thị Th (tức An Thị X) ủy quyền cho ông Trần Quang H, sinh năm 1955, Địa chỉ: Số 165 Bãi Sậy, phường Q, thành phố H, tỉnh HY. (Ông H có mặt).

Cụ Lương Văn H và Cụ An Thị C, Bà Lương Thị D quyền cho ông Lương Văn Tr, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số nhà 566 Nguyễn Trãi, Thị trấn V, huyện T, tỉnh HY. (Ông Tr có mặt).

- Người kháng cáo:

+ Bị đơn: Ông Lương Văn C.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cụ Lương Văn H.

- Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HY.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn là Bà An Thị Th (tức An Thị X) trình bày:

Bà kết hôn với Ông Lương Văn C trên cở sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã D ngày 23/6/1990, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục chung. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian dài cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do Ông C làm nghề lái xe tắc xi trên thành phố Hà Nội thỉnh thoảng mới về nhà và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, đối xử lạnh nhạt với vợ con. Bà vẫn cố gắng nín nhịn làm ăn kinh tế, vun vén xây dựng gia đình hạnh phúc, khuyên giải Ông C từ bỏ quan hệ bất chính nhưng không được. Cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, mỗi khi về nhà Ông C lại gây chuyện chửi bới, đánh đập bà thậm tệ. Đến tháng 10/2019 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân cho đến nay không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng với Ông C không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, hai bên không mang lại hạnh phúc cho nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn Ông C.

Về con chung: Bà và Ông C có 03 người con chung là Lương Thị H1 sinh năm 1989, Lương Văn H1 sinh năm 1991 và Lương Văn H2 sinh năm 2001 đều đã thành niên và tự lập. Giải quyết ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng một thời gian thì được cho ra ăn ở riêng trên phần đất ao diện tích 1,7 sào gia đình chồng mua của gia đình bà An Thị Đ từ trước. Khi ra ở, vợ chồng phải san lấp vượt lập một phần để xây ngôi nhà nhỏ ở tạm. Đến năm 1993 cụ Lương Văn H là bố chồng đã viết giấy cho vợ chồng toàn bộ diện tích đất ao. Năm 2001 vợ chồng còn cẩn thận lập lại giấy chuyển nhượng đất ao với gia đình cụ An Thị Đ, được chính quyền thôn, xã xác nhận vào sổ địa chính, nộp thuế quyền sử dụng đất và đã thế chấp vay tiền quỹ tín dụng xã. Năm 2018, vợ chồng cùng các con đã tiến hành san lấp toàn bộ diện tích đất ao, trồng cây, xây tường bao và 03 gian nhà trọ cho công nhân thuê. Bố mẹ chồng và các anh chị em biết nhưng không phản đối. Do ruộng canh tác của gia đình được chia cạnh phần đất ao cấy lúa kém năng suất, năm 1994 vợ chồng đã làm đơn xin chuyển đổi sang mô hình VAC được chính quyền cho phép. Vợ chồng đã tiến hành đào ao lấy đất

san lấp thành vườn trồng cây, xây ngôi nhà 02 tầng, lán, sân gạch, tường bao xung quanh đất và làm 01 nhà ống để làm cửa hàng bán thức ăn chăn nuôi gia súc. Vợ chồng còn mua được 01 chiếc xe ô tô trả góp nhãn hiệu Kia Morning BKS 30E-33047cho Ông C lái tắc xi, trị giá khi mua là 260 triệu đồng, nay đã cũ, trị giá không lớn nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần ruộng canh tác: Năm 1993, vợ chồng cùng 02 con lớn là H và H được chia ruộng theo tiêu chuẩn là 1,3 sào/khẩu x 4 khẩu bằng 5,2 sào thể hiện ở các xứ đồng: Thung 0,5 sào, sau Chùa 0,4 sào, ao Hẻo 0,4 sào và đồng Chiêm 3,5 sào. Năm 2016 dồn thửa đổi ruộng, sau khi trừ diện tích làm đường nội đồng, mương máng thủy lợi diện tích còn lại là 4,9 sào thể hiện ở xứ đồng Chiêm 3,4 sào (gia đình đã làm mô hình VAC từ năm 1994), sau Chùa 0,5 sào, Dược Mạ 01 sào. Ly hôn Bà Th đề nghị phân chia đất ao, đất ruộng và tài sản công trình nhà cửa cho vợ chồng và 02 con H, H theo luật. Bà và hai con có nguyện vọng được nhận phần đất ruộng đã chuyển đổi tại diện tích 3,4 sào, còn 1,5 sào trên đồng chia cho Ông C.

Về nợ: Tháng 5/2020 vợ chồng vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Tiên Lữ số tiền 100.000.000đ, đã trả được 40.000.000đ tiền gốc, tiền lãi chưa trả. Ly hôn Bà Th đề nghị phân chia nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là Ông Lương Văn C trình bày: Ông thống nhất với Bà Th về thời điểm kết hôn nhưng phản đối về mâu thuẫn vợ chồng như Bà Th trình bày. Theo Ông C thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường không có mâu thuẫn gì cho đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong việc quản lý kinh tế gia đình, công việc của ông đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà nên Bà Th nghi ngờ, ghen tuông vô cớ. Ngoài ra, Bà Th còn đối xử không tốt với bố mẹ chồng, có những lời lẽ chửi bới xúc phạm bản thân ông và mọi người trong gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền tham gia hòa giải nhưng không được, tại buổi hòa giải Bà Th còn có lời lẽ chửi bới gia đình ông thậm tệ. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Trước yêu cầu ly hôn của Bà Th, Ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể tháo gỡ nên đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con đều đã thành niên, hai con đầu đã xây dựng gia đình, con thứ ba đang ở cùng Bà Th và vợ chồng anh trai. Ly hôn Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông C khẳng định diện tích đất ao 1,7 sào vợ chồng đang sử dụng là của bố mẹ ông chưa cho chỉ nói miệng cho ở nhờ từ năm 1990. Nguồn gốc đất ao là do bố ông cụ Lương Văn H mua của gia đình cụ An Thị Đ từ năm 1987. Trên phần đất ao vợ chồng đã san lấp thành đất thổ, xây được 01 nhà tạm lợp tôn để cho con trai Lương Văn H buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc, xây 03 gian nhà trọ lợp tôn cho công nhân thuê. Ly hôn phần đất ao này phả trả lại cho cho cụ H không được phân chia, còn tài sản làm trên phần đất ao đề nghị chia đôi theo pháp luật.

Năm 1993, vợ chồng cùng hai con đầu được chia ruộng 03, trong đó có 3,4 sào ở xứ đồng Chiêm chia về sát phần đất ao cụ H mua. Vợ chồng đã tiến hành

đào ao, san lấp thành vườn trồng cây, xây tường bao xung quanh mảnh đất, xây được ngôi nhà cấp bốn hai tầng, làm lán, sân gạch. Còn 1,5 sào ruộng cấy ở trên đồng Bà Th đang sử dụng. Ly hôn toàn bộ tài sản trên phần đất ruộng Ông C tự nguyện để lại cho các con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông chỉ đề nghị Tòa án chia cho xuất ruộng của mình tại phần đất ruộng đã san lấp vượt lập. Việc Bà Th đề nghị chia xuất ruộng của ông tại 1,5 sào trên đồng ông không đồng ý. Đối với chiếc xe ô tô Kia Morning BKS 30E -33074 và các tài sản vật dụng trong sinh hoạt gia đình Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông C xác định tháng 5/2020 vợ chồng đứng ra vay hộ cho con gái Lương Thị H1 số tiền 100.000.000đ để mở lớp học mầm non tư thục. Quá trình vay, vợ chồng đã thanh toán trả được 40.000.000đ tiền gốc và tiền lãi hàng tháng. Ly hôn Ông C đề nghị phân chia nợ theo luật, việc vợ chồng vay hộ tiền con gái tự hai bên sẽ giải quyết sau.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Lương Văn H trình bày: Cụ là bố đẻ Ông Lương Văn C. Ông C Bà Th được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, không bị ai ép buộc đăng ký kết hôn năm 1990 tại UBND xã Dị Chế. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung cùng nhà chồng khoảng 01 năm thì cụ cho ra ở riêng trên thửa đất ao 1,7 sào gia đình mua của cụ An Thị Đ từ năm 1987. Khi mua cụ đã vượt lập một phần ao xây 03 gian nhà nhỏ và 02 gian bếp bằng tre ý định cho con gái lớn là Lương Thị D đã ly hôn chồng chưa có chỗ ở, nhưng sau đó bà D đi lấy chồng khác không có nhu cầu sử dụng nên cụ cho vợ chồng Ông C ra đó ở riêng. Vợ chồng Ông C ở trên nhà đất ao khoảng 03 năm thì phá nhà tranh tre làm nhà mới trên phần đất ruộng được chia sát đất ao. Đến năm 2018, vợ chồng Ông C san lấp vượt lập toàn bộ mảnh đất ao, xây 01 nhà ống lợp tôn làm lán bán hàng, xây 03 gian nhà trọ cho thuê. Nếu vợ chồng Ông C Bà Th ly hôn, cụ H yêu cầu phải trả lại diện tích đất ao để cụ phân chia cho các cháu, cụ chưa cho vợ chồng Ông C. Về mâu thuẫn vợ chồng, tài sản, công nợ cụ H không rõ vì không ai nói với cụ. Quan điểm của cụ tùy thuộc sự quyết định của hai bên vì đã lớn tuổi và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Cụ H cung cấp 01 bản photô văn tự nhượng đất lập năm 1987 chứng minh việc mua đất ao nhưng không nhìn rõ nội dung vì đã bị mục nát.

- Chị Lương Thị H, Anh Lương Văn H là con Ông C Bà Th trình bày: Bố, mẹ phát sinh mâu thuẫn từ những năm 2017 -2018, thời gian đó Ông C làm nghề lái xe tắc xi Mai Linh trên Hà Nội có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên thay đổi tính nết thường xuyên kiếm cớ chửi bới đánh đập vợ con, không khí gia đình căng thẳng. Cuối năm 2018, Ông C ở hẳn trên Hà Nội, không về sống cùng gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh, chị đã nhiều lần tham gia, góp ý với bố mẹ nhưng không được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng nguyện vọng của hai bên. Về tài sản chung anh, chị được biết ông bà nội cho bố mẹ 1,7 sào đất ao mua của gia đình cụ An Thị Đ từ lâu, gia đình đã san lấp vượt lập thành vườn, trồng cây, xây 03 gian nhà trọ cho thuê và mua sắm được một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Nếu phải ly hôn phần tài sản này không liên quan đến các con. Đối với ruộng canh tác, chị H, Anh H có nguyện

vọng được lấy lại phần ruộng của mình tại vị trí 3,4 sào đã chuyển đổi để tiện sử dụng.

- Bà Lương Thị Dxác định: Diện tích đất ao 1,7 sào do bà mua của gia đình cụ An Thị Đ từ năm 1987 với giá tiền quy đổi bằng 550kg thóc. Do bà đi lấy chồng không có nhu cầu sử dụng nên giao lại phần đất cho bố mẹ quản lý. Nếu vợ chồng Ông C Bà Th không ly hôn bà không có nhu cầu lấy lại. Còn nếu ly hôn thì phải trả lại cho bà để giao cho bố mẹ phân chia cho con cháu. Bà D giao nộp 01 bản photo văn tự nhượng đất lập năm 1987 để chứng minh việc bà là người mua mảnh đất ao của gia đình cụ An Thị Đ, bản chính bà D giữ.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Tiên Lữ, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đức Long - Phó Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên trình bày: Ngày 06/5/2020 và 14/7/2020 Ngân hàng cho Ông Lương Văn C đại diện chủ hộ vay tín chấp tổng số tiền 100.000.000đ để chi phí sản xuất kinh doanh phục vụ đời sống gia đình, lãi suất 9,9%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Quá trình vay nợ, gia đình Ông C đã trả được gần 40 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định. Hiện tại dư nợ gốc, lãi còn 61.496.234 đồng. Ngân hàng yêu cầu Ông C Bà Th phải thanh toán hết số nợ gốc và lãi.

- Xác minh tại UBND xã Dị Chế được biết: Ông Lương Văn C và Bà An Thị Th (tức Xuyến) đăng ký kết hôn tại UBND xã Dị Chế vào ngày 23/6/1990 số đăng ký 47. Ông C, Bà Th đã có một thời gian chung sống hạnh phúc sinh được 03 người con (02 trai, 01 gái) đều đã đủ 18 tuổi thành niên. Thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến làm đơn ly hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn chính quyền không năm được vì không thông qua hòa giải tại cơ sở. Về diện tích đất Ông C, Bà Th đang quản lý sử dụng tại thôn Đa Quang, xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ có nguồn gốc mua lại của gia đình cụ An Thị Đ và đất ruộng 03 được chia liên kề, thể hiện qua các thời kỳ đo đạc như sau: Theo bản đồ 299 đo vẽ năm 1985 mảnh đất thể hiện tại tờ bản đồ số 01 thửa số 178 diện tích 646m^2 loại đất ao đứng tên ông An Văn Đương.

Theo bản đồ đo vẽ năm 1999 đất của gia đình được thể hiện tại tờ bản đồ số 11 gồm năm thửa: số 01 diện tích 683.8m^2 loại đất vườn; số 02 diện tích 390.1m^2 loại đất ao; số 03 diện tích 879.4m^2 loại đất thổ; số 04 diện tích 68,5m^2 loại đất ao; số 07 diện tích 168m^2 loại đất ao. Phần diện tích tăng lên do gia đình Ông C Bà Th đã vượt lập, xây dựng công trình trên phần đất ruộng canh tác được chia. Tại thời điểm đo vẽ người đăng ký sử dụng đất là Ông Lương Văn C Bà An Thị Th nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng phần đất ao với gia đình cụ An Thị Đ. Đến ngày 21/12/2001 hộ cụ Đương và hộ Ông C Bà Th mới thực hiện thủ tục chuyển nhượng phần đất ao được UBND xã xác nhận vào sổ sách theo dõi.

Theo bản đồ VLAP đo vẽ năm 2015 đất được thể hiện tại tờ bản đồ số 16 gồm năm thửa: số 01 diện tích 392.6m^2 loại đất NTS; số 02 diện tích 739.4m^2 loại đất CLN; số 05 diện tích 876.8m^2 loại đất ONT; số 04 diện tích 67.2m^2 loại đất NTS và số 08 diện tích 170.4m^2 loại đất NTS đứng tên Ông Lương Văn C Bà An Thị Th. Tuy nhiên, trên phần đất gia đình đang sử dụng đã lấn chiếm toàn bộ kênh, bờ kênh tưới thủy lợi nội đồng dọc theo đường ĐH91về phía Đông với

chiều dài là 66,11m, chiều rộng tính từ tường bao hất vào một đầu phía Bắc là 5,7m, phía Nam là 9,5m với tổng diện tích lấn chiếm là 527.6m^2. UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết xác định rõ phần đất gia đình lấn chiếm để yêu cầu hoàn trả khi nhà nước sử dụng.

Về phần đất ruộng canh tác: Năm 1993 hộ gia đình Ông C gồm 04 nhân khẩu được chia ruộng bình quân là 1,3 sào x 4 khẩu = 5,2 sào tại các xứ đồng: Thung 0,5 sào, Sau Chùa 0,4 sào, Ao Hẻo 0,8 sào và đồng Chiêm 3,5 sào. Năm 2016 dồn ô đổi thửa sau khi trừ diện tích làm đường, mương máng nội đồng hộ gia đình còn lại 4,9 sào bằng 1.764m^2 tại các xứ đồng: Chiêm 3,4 sào (gia đình đã chuyển đổi mục đích đào ao san lấp vườn, làm nhà), Sau Chùa 0,5 sào, Dược Mạ 01 sào.

Người làm chứng: ông An Văn D (còn có tên gọi khác là An Văn Ph) là con trai cụ An Thị Đ cung cấp:

Bố mẹ ông là cụ An Văn Đ và cụ Vũ Thị N (cụ Nên thường gọi theo tên chồng là An Thị Đ). Cụ Đương chết năm 1986, cụ N hiện già yếu, bị điếc, đãng trí không còn nhớ gì. Vào khoảng năm 1987, 1988 gia đình cụ Đương có bán cho cụ Lương Văn H mảnh đất ao diện tích bao nhiêu ông D không rõ. Hai bên có viết giấy mua bán tay, không thông qua chính quyền địa phương, giấy tờ mua bán gia đình cụ H giữ. Sau này, gia đình cụ H cho vợ chồng Ông C, Bà Th ra phần đất ao sử dụng, hiện hai bên không tranh chấp. Tòa án cho ông Dương xem Văn tự nhượng đất do Bà Lương Thị D là con gái cụ H cung cấp nói bà D mới là người mua mảnh đất ao nhưng ông Dương khẳng định không còn nhớ gì do thời gian đã quá lâu. Ông D khẳng định gia đình chỉ bán mảnh đất ao cho cụ H.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2022 và biên bản định giá tài sản ngày 13/4/2022 thể hiện như sau: Tổng diện tích đất gia đình đang sử dụng là 2.854,9m^2. Trên đất có 01 nhà hai tầng, tường chịu lực mái bê tông cốt thép, tường xây 220, mái tầng hai lợp tôn; tầng 1 diện tích 65m^2; tầng 2 diện tích 65 m^2 trị giá còn lại của ngôi nhà là 153.754.000 đồng. Ngôi nhà một tầng bán kiên cố xây tường 110, mái lợp tôn dùng để bán thức ăn chăn nuôi gia súc diện tích 64m^2 giá trị còn lại là 119.402.000đồng. Ngôi nhà cấp bốn 03 gian lợp tôn thường, xây tường 110 dùng làm nhà trọ cho thuê giá trị hiện còn là 143.516.000đồng. Đối với 01 lán lợp Proximang do Anh Lương Văn H xây để nuôi lợn, gà đương sự không yêu cầu giải quyết. Toàn bộ tường bao xung quanh mảnh đất; 01 lán lợp tôn thường; 01 sân gạch và các tài sản vật dụng trong nhà như tivi, tủ lạnh, giường, tủ, bàn ghế … Ông C, Bà Th không yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với việc san lấp đất ao mua của gia đình cụ An Thị Đ, Hội đồng định giá sau khi tính toán, xem xét thực tế Bà Th, Ông C làm trị giá phần công san lấp là 53.676.000đồng. Đối với trị giá quyền sử dụng đất: Do đất hộ gia đình đang sử dụng là đất ao và đất ruộng canh tác, Hội đồng định giá áp giá 350.000đ/m^2.

Đối với công vượt lập, trồng cây trên phần đất đất ruộng được chia Ông C, Bà Th, Anh H đều khẳng định có công sức nhưng không yêu cầu giải quyết, sau này phân chia vào phần của ai người đó được hưởng.

Tại bản án sơ thẩm số 22/2022/HNGĐ-ST ngày 26/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ đã: Căn cứ vào các Điều 51; 55; 57; 58; 59; 62 Luật Hôn

nhân và gia đình; Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà An Thị Th (còn có tên gọi khác là An Thị X) và Ông Lương Văn C.

2. Về con chung: Ông bà có 03 con chung đều đã đủ 18 tuổi thành niên, tự lập nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về phân chia tài sản chung: Xác định diện tích đất ao 646m^2 tại tờ bản đồ số 01 thửa số 178 đo vẽ năm 1985 là của Ông Lương Văn C Bà An Thị Th.

Không chấp nhận yêu cầu của cụ Lương Văn H đòi lại diện tích đất ao đã cho Ông C Bà Th.

Không chấp nhận yêu cầu của Bà Lương Thị Dxác định diện tích đất ao là do bà mua của gia đình cụ An Thị Đ.

Phân chia cho Ông C được quản lý sử dụng diện tích 323m^2 đất ao trị giá 113.050.000đ và ½ giá trị công san lấp ao bằng 26.838.000đồng. Trên đất có ngôi nhà 03 gian lợp tôn thường dùng làm nhà trọ cho thuê trị giá 143.516.000đồng, cộng bằng 283.404.000đồng.

Phân chia cho Bà Th 323m^2 đất ao trị giá 113.050.000đồng và ½ giá trị công san lấp ao bằng 26.838.000đồng; 01 ngôi nhà hai tầng, tường chịu lực mái bê tông cốt thép, mái tầng hai lợp tôn trị giá 153.754.000 đồng; 01 ngôi nhà một tầng bán kiên cố, mái lợp tôn dùng để bán thức ăn chăn nuôi gia súc trị giá 119.402.000đồng, cộng bằng 413.044.000đồng.

Bà Th phải thanh toán trả chênh lệch về tài sản được hưởng cho Ông C số tiền 64.820.000đồng.

4. Về ruộng cấy: Phân chia cho Bà An Thị Th được sử dụng 408m^2 đất ruộng canh tác trong tổng số 3,4 sào ruộng ở xứ đồng Chiêm đã được chuyển đổi làm mô hình VAC trị giá thành tiền là 142.800.000đồng.

Phân chia cho Anh Lương Văn H được sử dụng 408m^2 đất ruộng canh tác trong tổng số 3,4 sào ruộng ở xứ đồng Chiêm đã được chuyển đổi làm mô hình VAC trị giá thành tiền là 142.800.000đồng.

Phân chia cho Chị Lương Thị H được sử dụng 408m^2 đất ruộng canh tác trong tổng số 3,4 sào ruộng ở xứ đồng Chiêm đã được chuyển đổi làm mô hình VAC trị giá thành tiền là 142.800.000đồng.

Phân chia cho Ông Lương Văn C 1,5 sào ruộng ở xứ đồng sau Chùa + dược Mạ trị giá thành tiền là 189.000.000đồng. Ông C không phải thanh toán trả chênh lệch được hưởng phần ruộng canh tác nhiều hơn cho Bà Th, Anh H, chị Huệ.

Tạm giao cho Ông Lương Văn C sử dụng diện tích 180m^2 đất lấn chiếm kênh, bờ kênh tưới thủy lợi nội đồng. Tạm giao cho bà Lương Thị Thắm, Chị Lương Thị H, Anh Lương Văn H sử dụng diện tích 347,6m^2 đất lấn chiếm kênh, bờ kênh tưới thủy lợi nội đồng. Khi nào Nhà nước có nhu cầu sử dụng phải tự nguyện giao trả *(Có sơ đồ cụ thể kèm theo).*

5. Về nợ: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi Nhánh huyện Tiên Lữ. Buộc Ông C, Bà Th mỗi người phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền 32.973.269đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/9/2022 bị đơn là Ông Lương Văn C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét diện tích đất ao ông và Bà Th sử dụng là của bố mẹ ông. Bố mẹ cho ông ở nhờ trông nom. Ruộng nông nghiệp chia cho ông về cạnh mảnh đất ao 1,7 sào của bố mẹ ông. Tài sản làm trên đất ông đề nghị Tòa án giải quyết cho công bằng hợp lý.

Ngày 27/9/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Lương Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với quyền sử dụng diện tích đất 1.7 sào tại thôn Đa Quang, xã Dy Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên hiện vợ chồng Ông C, Bà Th đang sử dụng là của vợ chồng cụ, Ông C, Bà Th phải trả lại cho cụ.

Ngày 24/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ –VKS-HNGĐ đối với bản án số 22/2022/HNGĐ-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm, buộc Ông Lương Văn C và Bà An Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

- Ngày 17 tháng 11 năm 2022 Cụ An Thị C vợ cụ Lương Văn H có đơn đề nghị Ông C, Bà Th phải trả lại phần đất ao của cụ.

- Ngày 31/01/2023, Ủy ban nhân dân xã D, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên có quan điểm: Vợ chồng Ông C Bà Th lấn chiếm cừ nước tưới tiêu do UBND xã quản lý, việc lấn chiếm đã diễn ra từ lâu, hiện vợ chồng Ông C và Bà Th đang sử dụng, tuy nhiên đây là phần đất của Nhà nước nên địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đất đai.

- Ngày 30/01/2023 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tiên Lữ có Công văn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xác định: Sau khi xét xử sơ thẩm Bà Th đã thanh toán hết số tiền phải trả cho ngân hàng theo bản án sơ thẩm là 33.009.178 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà An Thị Th (An Thị X) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ông Lương Văn C, cụ Lương Văn H giữ nguyên kháng cáo.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên kháng nghị.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cụ An Thị C - đại diện theo ủy quyền của Cụ C, ông Lương Văn Tr giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết xác định ½ diện tích ao tranh chấp là của cụ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Lương Thị Dkhẳng định diện tích đất ao là của bố mẹ bà cụ H và Cụ C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm. Hội đồng xét xử đúng thành phần, trình tự và phạm vi xét xử. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của Ông Lương Văn C và cụ Lương Văn H. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên. Sửa bản án sơ thẩm không tạm giao phần đất lấn chiếm cho Ông C, Bà Th. Buộc Ông C, Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho cụ Lương Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của Ông Lương Văn C và cụ Lương Văn H trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng dân sự phúc thẩm; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trong hạn luật định. Đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cụ An Thị C nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền của Cụ C là ông Lương Văn Tr. Chị Lương Thị H, Anh Lương Văn H, Ủy ban nhân dân xã D, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Tiên Lữ vắng mặt nhưng đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét kháng cáo của Ông Lương Văn C, cụ Lương Văn H, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất ao: Căn cứ bản đồ 299 đo vẽ năm 1985 và lời khai của các đương sự trong vụ án thì thửa đất ao số 178 tờ bản đồ số 01 diện tích 646 m^2 có nguồn gốc là của vợ chồng cụ An Văn Đ và cụ Vũ Thị Nên. Năm 1989, cụ H bắt nợ của cụ Nên thửa đất ao trên, việc bắt nợ chỉ bằng miệng giữa hai bên nhưng ngày 01/12/1993 cụ H và cụ Nên đã lập Biên nhận nhượng đất ao cho nhau (Bút lục số 50). Mặc dù giấy nhượng ao này không được chứng thực nhưng đến ngày 26/11/2001 cụ H viết giấy chuyển nhượng đất cho Ông C, sau đó cụ Nên đã ký giấy chuyển nhượng đất cho Ông C có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã D. Đến nay, cụ Nên đã già yếu, không còn minh mẫn, con trai cụ Nên là ông An Văn D xác định thửa đất ao đã được cụ Nên chuyển nhượng cho cụ H nên gia đình ông không còn liên quan, không tranh chấp. Do vậy, có căn cứ xác định cụ Nên đã chuyển nhượng thửa đất ao cho cụ H.

[2.2] Về việc cụ Lương Văn H tặng cho Ông C thửa đất ao: Năm 1990, cụ H cho Ông C và Bà Th ra ở trên một phần thửa đất ao đó. Quá trình sử dụng vợ chồng Ông C đã vượt lập phần ao còn lại và xây dựng các công trình trên đất như hiện tại. Năm 1999 Ông C, Bà Th đã kê khai trên bản đồ. Ngày 26/11/2001

cụ H đã lập đơn chuyển đất ao cho con trai là Ông C (BL 49). Tại đơn đề nghị đòi lại đất (BL 237) cụ H cũng đã thừa nhận năm 1993 cụ đã cho Ông C thửa đất ao. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm Cụ An Thị C là vợ cụ H có đơn đề nghị đòi lại thửa đất ao. Đồng thời ủy quyền cho ông Lương Văn Tr là con trai tham gia tố tụng. Ông Tr có quan điểm nhất trí một nửa ao cụ H đã tặng cho vợ chồng Ông C. Nửa còn lại của Cụ C chưa cho phải trả lại. Xét thấy, Cụ An Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Toà án cấp sơ thẩm không đưa Cụ An Thị C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, việc cụ H cho Ông C diện tích đất ao trên là sự thật, Ông C, Bà Th sử dụng từ năm 1990 đến nay đã san lấp toàn bộ đất ao và xây dựng các công trình trên đất. Cụ C và gia đình đều biết nhưng không ai phản đối. Sau khi được cụ H viết giấy cho đất, ngày 21/12/2001 cụ Nên (tức Đương) đã ký giấy chuyển nhượng đất cho Ông C có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Dị Chế. Như vậy, cần xác định Cụ C cũng đồng thuận với cụ H tặng cho Ông C toàn bộ diện tích đất ao. Bà Lương Thị Dlà con gái cụ H và Cụ C tại phiên tòa phúc thẩm bà D khẳng định đất ao là của bố mẹ bà, bà không liên quan. Như vậy, có đủ căn cứ xác định thửa đất ao đã được vợ chồng cụ H tặng cho Ông C. Do vậy, kháng cáo của Ông C, cụ H, yêu cầu đòi lại ½ diện tích đất ao của Cụ C không có căn cứ chấp nhận. Việc cấp sơ thẩm không đưa Cụ C tham gia tố tụng là vi phạm. Tuy nhiên, do có căn cứ xác định thửa đất ao là tài sản chung của Ông C, Bà Th nên vi phạm của cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất và kết quả giải quyết vụ án. Do Ông C được bố mẹ tặng cho diện tích đất ao trong thời kỳ Ông C và Bà Th là vợ chồng hợp pháp, mặt khác Ông C không có văn bản nào xác định diện tích ao được bố mẹ cho là tài sản riêng nên xác định thửa đất ao trên là tài sản chung của Ông C, Bà Th. Ông C, Bà Th có quyền sử dụng ngang nhau là phù hợp. Tuy nhiên, xét nguồn gốc thửa đất ao là của bố mẹ Ông C tặng cho Ông C nên Ông C được hưởng phần diện tích ao nhiều hơn Bà Th là thỏa đáng. Theo đó, Hội đồng xét xử giao cho Ông C quản lý sử dụng 400m^2 đất ao về phía Nam, Bà Th quản lý sử dụng diện tích 246m^2 đất ao về phía Bắc giáp diện tích ruộng nông nghiệp đã được chuyển đổi VAC bà cùng các con đang quản lý sử dụng là phù hợp.

[2.3] Phần diện tích đất ruộng Bà Th, Anh H và chị Huệ có quan điểm chia chung nên Tòa án giao cho Bà Th, Anh H chị Huệ phần diện tích đã chuyển đổi sang mô hình VAC, giao Ông C 540m2 ruộng nông nghiệp tại xứ đồng Thung (Dược mạ) và 360m2 tại xứ đồng sau chùa là phù hợp. Do vậy, kháng cáo của Ông C về nội dung này không có căn cứ chấp nhận. Toà án sơ thẩm không xem xét, thẩm định rõ vị trí của thửa đất ao và các thửa đất ruộng nên khi Bản án phân chia cho Bà Th đất ao không xác định được vị trí, tứ cận, sơ đồ của phần đất ao mà Bà Th được chia và phần đất ruộng giao cho Bà Th, Anh H, chị Huệ, phần đất ruộng phân chia cho Ông C cũng chưa được xem xét thẩm định và không có sơ đồ kèm theo sẽ gây khó khăn cho việc thi hành án, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định xác định rõ nội dung này. Bà Th, Ông C vượt lập diện tích ao số tiền là 53.676.000đồng đã được tính vào giá trị đất ao để chia, Tòa án cấp sơ thẩm ngoài việc chia đôi diện tích đất ao còn chia đôi cả giá trị công vượt lập cho Ông C, Bà Th là không chính xác.

[3] Xét kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ - VKS-HNGĐ, ngày 24/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên thì thấy: Ông C, Bà Th nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Tiên Lữ tổng số tiền 100.000.000đ, lãi suất 9,9%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Đã thánh toán trả được hơn 40.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi hàng tháng. Tính đến ngày xét xử 26/9/2022 còn nợ lại tổng số 65.946.538đ tiền gốc và lãi. Tại cấp phúc thẩm Bà Th đã thực hiện phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên cần ghi nhận việc trả nợ của Bà Th và buộc Ông C phải trả nợ cho Ngân hàng đối với phần nghĩa vụ của mình. Bản án sơ thẩm buộc Ông C, Bà Th phải chịu trách nhiệm trả nợ Ngân hàng là 32.973.269đ nhưng không buộc Ông C, Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là không đúng quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị Quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội, Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị quyết 01 ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án, gây thiệt hại đến ngân sách nhà nước số tiền 3.297.326 đồng. Do vậy, kháng nghị của VKSND tỉnh Hưng Yên là có căn cứ được chấp nhận, buộc Ông C, Bà Th phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Uỷ ban nhân dân xã Dkhông nhất trí tạm giao đất lấn chiếm cho Ông C, Bà Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình sử dụng đất nông nghiệp, đất ao Ông C, Bà Th cùng các con đã lấn chiếm 524,9 m^2 kênh tưới tiêu (Tòa án cấp sơ thẩm xác định 527,6m^2 là chưa chính xác), gia đình Ông C, Bà Th đã xây dựng công trình trên phần đất này thuộc thẩm quyền quản lý của Uỷ ban nhân dân xã Dị Chế. Tại phiên tòa, Ông C, Bà Th đều nhất trí trả lại địa phương diện tích đất lấn chiếm kênh tưới tiêu là phù hợp.Tòa án cấp sơ thẩm tạm giao phần đất lấn chiếm này cho Ông C, Bà Th là không đúng. Phần diện tích đất này do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Lương Văn C và cụ Lương Văn H. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm số 22/2022/HNGĐ-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ về phần chia tài sản chung và nghĩa vụ nộp án phí trả nợ.

[5] Việc phân chia tài sản chung của Bà Th, Ông C, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm như sau: Xác định khối tài sản chung của Bà Th, Ông C gồm: Diện tích đất ao 646 m^2 thuộc thửa 178 tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), trị giá 226.100.000đồng tại địa chỉ Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh HY. Trên đất có nhà 2 tầng diện tích 130m^2, trị giá 153.754.000 đồng. Nhà 01 tầng diện tích 64m^2, giá trị là 119.402.000 đồng. Nhà cấp bốn diện tích 84,8 m^2 làm nhà trọ, giá trị 143.516.000 đồng. Diện tích 948m^2đất ruộng 03, trị giá 331.800.000đồng. Toàn bộ tường xây xung quanh mảnh đất, một lán lợp tôn thường, một sân gạch và các tài sản, vật dụng khác trong nhà như ti vi, tủ lạnh, Ông C Bà Th không yêu cầu định giá và giải quyết. Ngoài ra Ông C Bà Th không còn tài sản chung nào khác. Tổng trị giá tài sản chung của Ông C, Bà Th là: 974.572.000 đồng. Theo đó, giao cho Bà Th diện tích 246m^2 đất ao theo hình ABCF thuộc thửa 178

tờ bản đồ số 01(BĐ 299), trị giá 86.100.000đồng; nhà 2 tầng diện tích 130m^2, trị giá 153.754.000 đồng; nhà 01 tầng diện tích 64m^2, giá trị là 119.402.000 đồng cùng các tài sản, cây cối có trên phần đất ruộng và đất ao được giao. Diện tích ruộng nông nghiệp 408m2 tại các thửa từ 01,02,04,05,08, trong tổng 3,4 sào ruộng ở xứ đồng Chiêm đã được chuyển đổi làm VAC, trị giá 142.800.000đồng. Tổng trị giá tài sản chung Bà Th được giao là: 502.056.000đồng. Giao cho Ông C diện tích đất ao 400m^2 theo hình CDEF thuộc thửa 178 tờ bản đồ số 01(BĐ 299), cùng cây cối công trình trên đất giá trị 140.000.000 đồng. Nhà cấp 4 làm nhà trọ, trị giá 143.516.000đồng. Diện tích ruộng nông nghiệp 540m^2 tại xứ đồng Thung (Dược mạ) thửa 105, tờ bản đồ 06, diện tích 360m^2 và xứ đồng Sau Chùa thửa số 374, tờ 04 diện tích 180m^2, trị giá cả là 189.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chung Ông C được giao là: 472.516.000đồng.

Đối trừ tài sản chung Bà Th được hưởng nhiều hơn Ông C là 14.770.000 đồng, Bà Th phải trả chênh lệch tài sản chung cho Ông C số tiền nêu trên là phù hợp.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[6.1] Về án phí: Bà An Thị Th(Xuyến) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí chia tài sản chung khi ly hôn, án phí nghĩa vụ trả nợ và chi phí thẩm định, định giá tài sản chung. Ông Lương Văn C phải chịu án phí chia tài sản chung khi ly hôn, án phí nghĩa vụ trả nợ và chi phí thẩm định, định giá tài sản chung. Anh Lương Văn H và Chị Lương Thị H phải chịu án phí chia ruộng nông nghiệp. Ông Lương Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Cụ Lương Văn H là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326 của UBTVQH miễn toàn bộ án phí cho cụ Lương Văn H.

[6.2] Về chi phí tố tụng khác: Tại cấp sơ thẩm Bà Th đã chi phí tố tụng hết 5.589.000 đồng, tại cấp phúc thẩm Ông C đã chi phí tố tụng hết 10.000.000 đồng. Tổng là 15.589.000 đồng chi phí tố tụng, đối trừ Bà Th phải trả cho Ông C là 2.205.500 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309, Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Các điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Lương Văn C và cụ Lương Văn H.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.

3. Sửa một phần bản án tranh chấp về hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 22/2022/HNGĐ-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ về phần chia tài sản chung và nghĩa vụ nộp án phí trả nợ, như sau:

- Giao cho Bà An Thị Th(Xuyến) diện tích 246m^2 đất ao theo hình ABCF thuộc thửa 178 tờ bản đồ số 01(BĐ 299), trị giá 86.100.000đồng; nhà 2 tầng, diện tích 130m^2, trị giá 153.754.000đồng; nhà 01 tầng, diện tích 64m^2, giá trị là 119.402.000đồng cùng các tài sản, cây cối có trên phần đất ruộng và đất ao được giao. Diện tích ruộng nông nghiệp 408m2 trong tổng số 3,4 sào ở xứ đồng Chiêm đã được chuyển đổi làm quy mô VAC, trị giá 142.800.000đồng, tại địa chỉ Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh HY. Bà Th phải trả chênh lệch tài sản cho Ông Lương Văn C số tiền là 14.770.000 đồng *(Mười bốn triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).*

- Giao cho Ông Lương Văn C diện tích đất ao 400m^2 theo hình CDEF thuộc thửa 178 tờ bản đồ số 01(BĐ 299), cùng cây cối công trình trên đất giá trị 140.000.000 đồng. Nhà cấp 4 diện tích 84,8 m^2 làm nhà trọ, trị giá 143.516.000đồng. Diện tích ruộng nông nghiệp 540m^2 tại xứ đồng Thung (Dược mạ) thửa 105, tờ bản đồ 06, diện tích 360m^2 và xứ đồng Sau Chùa thửa số 374, tờ 04 diện tích 180m^2, trị giá cả là 189.000.000đồng, tại địa chỉ Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh HY và 14.770.000 đồng *(Mười bốn triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)* Bà Th trả chênh lệch tài sản.

- Giao cho Anh Lương Văn H diện tích ruộng nông nghiệp 408m2 trong tổng 3,4 sào ruộng ở xứ đồng Chiêm đã được chuyển đổi làm quy mô VAC, trị giá 142.800.000đồng, tại địa chỉ Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh HY.

- Giao cho Chị Lương Thị H diện tích ruộng nông nghiệp 408m2 trong tổng 3,4 sào ruộng ở xứ đồng Chiêm đã được chuyển đổi làm quy mô VAC trị giá 142.800.000đồng, tại địa chỉ Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh HY.

(Việc phân chia đất ao, đất ruộng cho Ông C, Bà Th, Anh H, chị Huệ có sơ đồ kèm theo bản án).

3.Về nợ chung: Buộc Ông Lương Văn C phải thanh toán trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tiên Lữ số tiền là 32.973.269đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu người thi hành án không thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

5. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Bà An Thị Th (Xuyến) phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn; 23.491.000 đồng án phí chia tài sản chung và 1.648.600 đồng án phí nghĩa vụ trả nợ, nhưng được trừ vào số tiền 6.550.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000751 ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Tiên Lữ. Bà Th còn phải nộp tiếp số tiền 18.590.000 đồng án phí dân sự. Bà An Thị Th phải thanh toán trả Ông Lương Văn C số tiền là 2.205.500 đồng *(Hai triệu hai trăm linh năm nghìn năm trăm đồng)* chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Ông Lương Văn C phải chịu 23.491.000 đồng án phí chia tài sản chung

và 1.648.600đồng án phí nghĩa vụ trả nợ. Ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả Ông C 300.000đồng tiền ông nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số0004577 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ.

- Anh Lương Văn H phải chịu 7.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Chị Lương Thị H phải chịu 7.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tiên Lữ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.070.000 đồng theo biên lai số 0004515 ngày 04/11/2021 của Chi cụ Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ.
- Miễn toàn bộ án phí dân sự cho cụ Lương Văn H.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b,,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *TA, THA huyện Tiên Lữ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Thực Nguyễn Ngọc Thăng Vũ Thị Nga